

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TRONG BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA NÔNG NGHIỆP

NGUYỄN HỮU QUÁN

Trong cuộc vận động tổ chức lại sản xuất và cải tiến một bước quản lý nông nghiệp từ cơ sở, theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, vai trò của công tác quản lý khoa học và kỹ thuật đã được nhấn mạnh.

Tác dụng tích cực ấy đã được đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ: « Qua một thời gian dài nghiên cứu và thực nghiệm, một số vấn đề khoa học, kỹ thuật trong trồng trọt và chăn nuôi đã được kết luận khá cụ thể. Những kết luận khoa học về tăng năng suất lúa, lợn, về luân canh tăng vụ ở đồng bằng... « không còn là lý thuyết trừu tượng nữa, không còn là thí nghiệm trong phòng nghiên cứu nữa mà có thể áp dụng vào trong sản xuất một cách phổ biến, miễn là chúng ta có tổ chức đúng, có chế độ quản lý kỹ thuật chặt chẽ, có kỷ luật sản xuất nghiêm ngặt » (1).

Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã vạch ra phương hướng: « Phải mạnh dạn đầu tư vào các ngành khoa học, nhất là sinh học, để nó có thể tác động trực tiếp vào sản xuất nông nghiệp... chắc chắn đây là cách đầu tư rẻ nhất và có hiệu quả nhất ». Và muốn được như vậy, « cần có sự phối hợp chặt chẽ, có sự phân công hợp lý trên cơ sở quản lý thống nhất, nhằm tập trung lực lượng, tập trung trí tuệ của tập thể những người « nghiên cứu và phát triển » trong lĩnh vực nông nghiệp, từng bước giải quyết một loạt những vấn đề rất trọng yếu và cấp bách trên mặt trận sản xuất nông nghiệp » (2). Một số vấn đề trọng yếu và cấp bách này đã được nêu ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 của Ban chấp hành Trung ương Đảng. Trong bài này, chúng tôi chỉ phát biểu về ba vấn đề:

I — SỬ DỤNG HỢP LÝ TÀI NGUYÊN, ĐẦY MẠNH PHÂN VÙNG NÔNG NGHIỆP

Trong Hội nghị phân vùng nông nghiệp cuối tháng 10-1974, đồng chí Tố Hữu, thay mặt Trung ương Đảng đã đặt ra những yêu cầu rất cấp bách đối với đội ngũ cán bộ kỹ thuật nông nghiệp. Đại ý đồng chí nói: phải bắt đầu từ việc khảo sát lại, đánh giá lại các điều kiện tự nhiên, xã hội của nông nghiệp; phải chụp cho được một bức ảnh thật trung thực về hiện trạng của nông nghiệp; phải phân tích xem chỗ nào khoa học, chỗ nào không khoa học, cái gì nên làm, cái gì không nên làm; từ đó tạo ra một phương án kinh tế tốt nhất cho miền Bắc. Phương án này không nhằm vào mục đích nào khác hơn là bảo đảm cho nhân dân ta ăn đủ, tiến đến ăn tốt, và bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp, nông sản xuất khẩu và trang bị kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân. Phân vùng, qui hoạch phải kết hợp khoa học với thực tiễn và phải có quan điểm quần chúng, không được độc đoán với điều kiện tự nhiên và xã hội, và phải có tổ chức chặt chẽ, khẩn trương.

Trước những yêu cầu khẩn thiết này, trình độ khoa học, kỹ thuật nông nghiệp của ta có thể đáp ứng được không? Chúng tôi nghĩ

(1) Lê Duẩn. Ra sức phấn đấu xây dựng nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa. Báo Nhân Dân, 2-10-1974.

(2) Phạm Văn Đồng. Về một số vấn đề lý luận và thực tiễn của quá trình đưa nền nông nghiệp miền Bắc nước ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Báo Nhân Dân, 11-10-1974.

rằng: có thể được, và trong thực tiễn đã có thể đáp ứng được một phần. Cần phải có phương pháp điều tra, nghiên cứu tốt hơn, tổ chức phối hợp chặt chẽ giữa các ngành nhiều hơn nữa, thì mới có thể đạt được đúng yêu cầu trong thời gian vài ba năm tới.

Vấn đề phân vùng nông nghiệp và xác định một cơ cấu nông nghiệp mới được đặt ra từ Hội nghị Trung ương lần thứ 5 (tháng 7-1961), coi như một mẫu chốt để đưa nông nghiệp miền Bắc tiến dần lên sản xuất lớn.

Từ đó đến nay, cuộc cách mạng trong cơ cấu trồng trọt ở miền Bắc đã bắt đầu với việc sắp xếp lại cơ cấu các vụ lúa, thay thế lúa chiêm bằng lúa xuân (nhờ việc phát triển những giống lúa mới). Một số vùng chuyên canh đay, cói, lạc, chè, cây ăn quả bắt đầu được hình thành, và các vùng kinh tế mới được vạch ra trên các bản đồ qui hoạch cũng đồng thời được đầu tư xây dựng dần trong thực tế. Ngành địa lý tự nhiên đã phân lãnh thổ miền Bắc thành 51 vùng và chỉ ra được một số vùng khai thác thuận lợi nhất.

Tuy nhiên, trong vấn đề này còn nhiều điểm tồn tại chưa được giải quyết tốt:

1. Về đất đai: chúng ta đã làm nhiều bản đồ thổ nhưỡng nhưng vẫn chưa nắm thật vững được vốn đất đai của Nhà nước vì chưa áp dụng được vào sản xuất phương pháp phân hạng đất theo khả năng sử dụng (land use capability). Hiện nay, nhiều nước đã áp dụng phương pháp này để đánh giá được tiềm năng nông học của đất—từ cấp Nhà nước đến cấp cơ sở—, và để sử dụng, phát triển tiềm năng ấy theo hướng thích hợp nhất. Một hạng đất (capability class) gộp chung với nhau những loại đất có khả năng và mặt hạn chế như nhau. Ngoài tính chất thổ nhưỡng (đá mẹ, tầng dày, tính chất lí, hóa...), phải xét đến cả địa hình (độ dốc, chiều dài dốc...), tình hình thoát nước và giữ ẩm, khả năng bị xói mòn, rửa trôi (liên quan đến độ xốp, thực bì...), độ lấn đất v.v... để định hướng nên sử dụng vào trồng cây hằng năm hay lâu năm, chăn nuôi hay lâm nghiệp.

Ở các vùng đồi núi, việc phân hạng đất theo cách này rất có ích, vì qua đó ta có thể nắm rõ khả năng đất đai, biết rõ hướng khai phá, hướng đầu tư lao động và xây dựng cơ sở vật chất kĩ—thuật.

Ở đồng bằng, trên các vùng trọng điểm lúa, chúng ta cũng đã bắt đầu làm việc phân hạng ruộng đất, nhưng còn thiếu về mặt nông hóa, ít chú ý các tính chất vật lí, đặc biệt là « độ thấm nước xuống sâu ».

2. Về khí hậu: đã có những nhà địa lí làm bản đồ khí hậu thế giới theo các tiêu chuẩn của Köppen, khoanh phần lớn miền Bắc vào loại khí hậu C_a (á nhiệt đới ẩm) hay C_{wa} (á nhiệt đới ẩm có mùa đông khô).

Nhưng cho đến nay, ta vẫn chưa làm được những bản đồ khí hậu nông nghiệp; chưa tổng kết được số liệu và kinh nghiệm lâu năm để vạch rõ ranh giới những vùng làm được hai vụ lúa ổn định, những vùng trồng được khoai lang mùa đông, những vùng nên trồng hay không nên trồng sa mu, thông đuôi ngựa (cây á nhiệt đới) hay dừa, cao su, hồ tiêu, cọ dầu (cây nhiệt đới điển hình); chưa khoanh được những vùng để được giống khoai tây, và trồng được những cây phân xanh xứ lạnh, như điều tử, tử vân anh v.v...

3. Về tài nguyên động vật, thực vật: chúng ta thiếu những nhà chuyên môn về thực vật học nông nghiệp và địa lí học nông nghiệp. Ở các trường đại học của ta cũng chưa giảng dạy các môn này, trong khi đó, chúng ta có hàng trăm loài cây trồng hằng năm và lâu năm, với rất nhiều giống, nhiều thổ ngơi khác nhau, chưa kể những giống mới nhập nội. Thiếu các chỉ tiêu sinh thái học thích hợp cho các loài, giống cây trồng và vật nuôi của ta, nên chúng ta chưa lập được những bản đồ, vạch rõ ranh giới những khu vực đất đai và khí hậu thích hợp hay không thích hợp cho những cây trồng và vật nuôi chính, có ghi trong kế hoạch. Do đó, các dự án phân vùng nông nghiệp của ta hiện nay từ trung ương đến địa phương đều thiếu một căn cứ quan trọng là căn cứ sinh thái học. Căn cứ này không thể tìm ở các cơ quan lâm nghiệp vụ phân vùng qui hoạch tổng hợp, mà phải do các viện trồng trọt và chăn nuôi cung cấp. Các nước xã hội chủ nghĩa sớm làm việc phân vùng nông nghiệp cũng đã giao cho các viện hàn lâm nông học nghiên cứu cho được căn cứ này.

4. Về sự phối hợp nghiên cứu: Để giải quyết thỏa đáng các vấn đề về phương hướng sản xuất bảo đảm cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc và có nhiều hàng hóa xuất khẩu, không phải chỉ những cán bộ nghiên cứu nông học có thể làm nổi, mà phải có sự tham gia của các ngành kinh tế học, các ngành công nghiệp, nông nghiệp, i học, v.v...

Về vấn đề này, vừa qua chúng ta còn thiếu sót nhiều, đề tài nghiên cứu có khi còn trùng lặp, việc hợp tác theo chiều ngang và theo chiều dọc với từng chuyên đề còn chưa được coi trọng đúng mức. Thời gian tới, chúng ta cần kiên quyết thực hiện « kế hoạch hóa »

công tác nghiên cứu, đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu và có những chế độ thích đáng về vấn đề này.

Tóm lại, điều kiện tài nguyên càng phong phú thì vấn đề sử dụng tài nguyên thế nào cho hợp lý và có hiệu quả nhất lại càng phức tạp. Mỗi nước phải dành ưu tiên chuyên môn hóa cho những loại sản phẩm có điều kiện thích hợp nhất, có thể thu lợi nhiều nhất, với tổn phí công của tương đối ít nhất, đồng thời phải sản xuất những sản phẩm thiết yếu nhất cho mình.

Mấy điểm trình bày trên đây chính là nội dung và yêu cầu của đề tài nghiên cứu « Về căn cứ khoa học của phân vùng nông lâm nghiệp » mà Nhà nước đã giao cho Ủy ban Nông nghiệp trung ương tiến hành. Tuy nhiên, nội dung này chưa được nghiên cứu đúng theo yêu cầu trên, nên đã có phần trở ngại cho việc xác định phương hướng sản xuất, làm chậm việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương về nông nghiệp. Chúng tôi thiết tưởng đây là một hướng cần tập trung suy nghĩ và hành động của cán bộ khoa học, kỹ thuật nông nghiệp chúng ta.

II — TIẾN BỘ KỸ THUẬT VÀ ỨNG DỤNG MẠNH MẼ THÀNH TỰU CỦA SINH HỌC TRONG NÔNG NGHIỆP

Tiến bộ kỹ thuật gắn với phương hướng sản xuất và làm cho chủ trương sản xuất được cụ thể hóa, được củng cố thêm.

Tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp miền Bắc nước ta phải góp phần giải quyết khó khăn của tình hình đất ít, người đông, đồi núi nhiều, công nghiệp chưa đủ sức cung cấp nhiều vật tư cần thiết cho đồng ruộng. Để đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, trong thời gian tới, theo chúng tôi phải giải quyết một số biện pháp sau đây :

1 — Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong nông nghiệp, cho nên hai ngành nông nghiệp và thủy lợi cần phối hợp chặt chẽ với nhau hơn nữa để áp dụng rộng rãi ở đồng bằng và các cánh đồng lớn ở miền núi những tiến bộ kỹ thuật và chế độ nước cho lúa, hoa màu. Kinh nghiệm của Trạm Thủy nông Bắc sông Đuống (Hà-bắc) dùng kỹ thuật phân phối nước để điều khiển toàn bộ qui trình thâm canh một khu vực rộng lớn được chủ động tưới tiêu, làm tăng năng suất gấp rưỡi so với khu vực bên cạnh trong cùng một hệ thống nông giang, là một kinh nghiệm đáng phổ biến mạnh ở nhiều tỉnh. Hội nghị cuối năm 1974

của Vụ quản lý Ruộng đất đã nhận thấy, trên một số hệ thống nông giang, độ phì có biến động xấu đi, do kỹ thuật tưới không tốt, đất bị bào mòn, rửa trôi. Ví dụ : ở hệ thống sông Chu, sông Mã, trên loại đất phù sa không được bồi, gây trung bình hoặc mạnh, chiếm diện tích tới 6 vạn hecta, tỉ lệ mùn trong 10 năm (1963 — 1973) đã giảm từ 2% xuống 1,5 — 1,7%, đạm tổng số từ 0,1% xuống còn 0,07%, P_2O_5 từ 0,09 xuống 0,06 — 0,08% pH_{KCl} từ 4,8 — 5,0 xuống 4,5 — 5,0.

Ở miền núi, trung du ngành thủy lợi và nông nghiệp cũng cần phối hợp chặt chẽ để phòng, chống xói mòn bằng biện pháp canh tác kết hợp với biện pháp công trình. Những kinh nghiệm làm ruộng nước trên bậc thang đã được ngành thủy lợi tổng kết ; những kết quả thí nghiệm làm ruộng bậc thang để trồng lúa, trồng màu trên đồi dốc xen với hàng rào cốt khí, băng phân xanh, có bón lân và làm tăng chất hữu cơ ở Trường trung cấp Nông nghiệp Hà-tùng (Lai-châu), ở Trạm Đất bạc màu và đồi trọc Tiên-phong (Hà-bắc), ở hợp tác xã Vũ-lao (Thanh-ba — Vĩnh-phú) là những tiến bộ kỹ thuật cần đưa vào qui trình sản xuất ở các vùng đồi núi.

2 — Trong những năm tới, việc phát triển mạnh kỹ thuật dùng các loại cây phân xanh và thức ăn gia súc bộ Đậu hay không phải bộ Đậu, có bón lót vôi, lân, có tầm vi khuẩn nốt sần cần được áp dụng rộng rãi ở các hợp tác xã và nông trường. Các loại cây phân xanh, cây phủ đất thấp và cao... phải có cơ sở sản xuất đủ hạt giống, bom giống cho từng tỉnh, huyện. Kỹ thuật vùi một phần rơm rạ, kết hợp với bón vôi, apatit nghiền, đã thí nghiệm thành công trên diện tích rộng ở Cẩm-giàng (Hải-hung) ; kỹ thuật băm vùi thân ngô, thân thuốc lá... để trả lại chất hữu cơ cho đồng ruộng ở nông trường Tam-đảo, Tô-hiệu, Mộc-châu... phải trở thành qui định, thành tập quán phổ biến. Phân đạm, lân, kali và phân vi lượng cần có mạng lưới thí nghiệm cho các loại đất và cho các cây chính để tăng hiệu quả của mỗi cân phân bón vào đất, để sản xuất được nhiều lương thực, thực phẩm với chi phí vật tư ít nhất trên mỗi hecta. Kinh nghiệm của Viện cây lương thực và thực phẩm, sản xuất được mỗi năm trên mỗi hecta ruộng kém tới 6 tấn thóc, 200 kg thịt lợn, 30 kg thịt vịt và 1 kg trứng ; mỗi đàn lợn chỉ cần 50 m² để sản xuất thức ăn xanh là những kinh nghiệm đáng được phân tích và phát huy.

3 — Cơ cấu giống lúa và rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày, nhằm bảo đảm thâm canh ba vụ trên mỗi hecta ở đồng bằng, hai vụ

ở miền núi; bảo đảm phân bón và thức ăn cho chăn nuôi để bồi dưỡng đất theo một chu trình khép kín, là một tiến bộ kỹ thuật quan trọng trong mấy năm tới. Thực hiện được tốt vấn đề này, chúng ta sẽ có những điển hình sống về nông nghiệp — sinh thái học (agriculture—écologique) mà nhiều nước phát triển đang mong muốn.

Giống cây trồng và vật nuôi phải được tiêu chuẩn hóa. Giống phải được bồi dưỡng đúng đắn, phải được nghiên cứu, chọn lọc liên tục để phát huy giống tốt, loại thải giống xấu. Các trạm giống lúa và màu, các nông trường cây công nghiệp, cây ăn quả; các trại giống gia súc, phải trở thành những trung tâm kỹ thuật về sản xuất và bồi dưỡng giống đúng tiêu chuẩn.

4 — Phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng, dịch bệnh cho súc vật nuôi bằng biện pháp tổng hợp (hóa học, sinh học, canh tác, chăm sóc...) không phải là một «khâu hiệu» để ứng phó với tình hình thiếu thuốc, thiếu bom, mà là một chiến lược lâu dài của nông nghiệp. Nghiên cứu, tổng kết các mặt này, chúng ta sẽ có những phương pháp độc đáo để bảo vệ mùa màng và chăn nuôi, vận dụng được tốt lực lượng sản xuất của xã hội và ưu thế của thiên nhiên nhiệt đới, đồng thời cũng không sa vào những thuyết cực đoan về «nông nghiệp sinh vật học». Nhưng, muốn đạt được kết quả tốt về mặt này không phải dễ: phải có nhiều công phu nghiên cứu đi đôi với tổ chức phổ biến, huấn luyện mạnh mẽ, mới có được biện pháp đơn giản mà có hiệu quả trong sản xuất.

5 — Về công cụ và cơ khí hóa nông nghiệp, chúng ta phải sớm chấm dứt tình trạng công cụ cầm tay và công cụ cải tiến không ai nghiên cứu, cơ khí trang bị nơi thừa, nơi thiếu, không đáp ứng yêu cầu xây dựng đồng ruộng; xem nhẹ việc sửa chữa và sản xuất phụ tùng thay thế. Việc kết hợp giữa hai ngành công nghiệp và nông nghiệp, nhằm mục tiêu chung là phục vụ đồng ruộng, tiết kiệm đầu tư, là một việc cần nhiều công phu tổ chức, phối hợp cụ thể, để đưa được những tiến bộ kỹ thuật về công cụ cơ khí vào trồng trọt và chăn nuôi. Trên cơ sở công cụ cơ khí được quản lý tốt, chúng ta sẽ giải quyết được những khâu lao động cần thiết nhất, để tiến đến cơ khí hóa nhiều mặt trong điều kiện ruộng nước, đất dốc, với những kiểu máy đã được khảo nghiệm, cải tiến. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã chỉ rõ: cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp phải có một phần quan trọng do công nghiệp mang lại. Nhưng, cỗ máy chính

làm ra sản phẩm trong nông nghiệp vẫn phải là cây lúa, con lợn, vườn chè, đàn cá... cho nên những tiến bộ trong sinh học vẫn có ý nghĩa quyết định.

Bước đầu, chúng ta phải vận dụng tốt những thành tựu đã có về giống mới, về chất có hoạt tính sinh học, về biện pháp phòng, trị sinh vật học, về phát triển phân xanh và bèo dâu.

Để làm được những việc này, chúng ta phải đồng thời nắm được tài nguyên sinh vật, nông nghiệp của ta, phải biết được qui luật phát triển và điều kiện sinh thái của chúng, phải dần dần đi vào cơ chế di truyền, sinh hóa, sinh lý... để có thể tổng kết một cách khoa học những kinh nghiệm lâu đời của nông dân ta, vận dụng vào hoàn cảnh sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Đó là nội dung của một chương trình rộng lớn về «sinh vật học phục vụ nông nghiệp» mà khối Nông Sinh I của Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, để dần dần thể hiện trong nghiên cứu, đào tạo và chỉ đạo sản xuất.

III — TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU VÀ QUẢN LÝ KHOA HỌC, KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP

Một nước độc lập, tự chủ muốn làm được một cuộc cách mạng kỹ thuật thực sự trong nông nghiệp, thì ngoài sự nghiệp công nghiệp hóa, phải chăm lo nhiều đến việc xây dựng tổ chức nông nghiệp trên các mặt: nghiên cứu, thực nghiệm, tuyên truyền, phổ biến, huấn luyện, đào tạo và phục vụ kỹ thuật.

Quản lý khoa học, kỹ thuật là hoạt động tổng hợp để tổ chức điều hòa các khâu trên, làm cho dây chuyền từ tìm hiểu, nghiên cứu, đến truyền đạt kết quả, cung cấp phương tiện và hướng dẫn thực hiện trong sản xuất được ăn khớp với nhau.

Vừa qua, có hiện tượng: nhiều kết quả nghiên cứu đã được xác nhận, nhiều biện pháp kỹ thuật đã được qui định, mà trong sản xuất vẫn rất ít được thực hiện. Chúng tôi thử điểm lại thì thấy, cứ trong 10 trường hợp thì có khoảng 5 trường hợp là do tổ chức chỉ đạo quá yếu hoặc không có, 3 trường hợp do thiếu điều kiện vật chất, và 2 trường hợp là do kết quả nghiên cứu chưa kỹ, kết luận chưa chín chắn.

Cho nên, điều cấp thiết trước mắt là cán bộ khoa học, kỹ thuật nông nghiệp chúng ta phải giúp các cấp lãnh đạo xây dựng được tổ chức

và lễ lối chỉ đạo kĩ thuật ở cấp huyện, nông trường, hợp tác xã.

Một huyện ở đồng bằng với khoảng 50 — 100 hợp tác xã cần tiến đến lập một trạm kĩ thuật tổng hợp, có đủ cán bộ, phương tiện hoạt động về thổ nhưỡng, nông hóa, bảo vệ thực vật, thú y, giống cây trồng và gia súc, công cụ và cơ khí hóa nông nghiệp... để làm được nhiệm vụ thực hiện những chủ trương kĩ thuật ở trên.

Chúng ta rất cần một trung tâm nghiên cứu khoa học nông nghiệp ở trung ương, đủ lực lượng về di truyền, chọn giống, thực vật học nông nghiệp, nông hóa thổ nhưỡng, bảo vệ thực vật, thú y, cơ khí nông nghiệp và kinh tế nông nghiệp, với một tập thể cán bộ đầu đàn, đủ trình độ giải quyết những vấn đề lớn và mới của nông nghiệp miền Bắc nước ta trong bước phát triển mới. Nếu chưa đủ điều kiện xây dựng một tổ chức nghiên cứu khoa học lớn như thế, thì ít nhất cũng phải có một sự kết hợp gần bó giữa các hoạt động theo chiều ngang của các cơ sở nghiên cứu theo bộ môn khoa học (đất, phân, bảo vệ thực vật, di truyền, chọn giống...) và hoạt động theo

chiều dọc của các cơ sở nghiên cứu chuyên về từng loại cây, con.

Chúng ta cũng rất cần một mạng lưới phân viện và trạm nghiên cứu theo vùng, có cán bộ và phương tiện tối thiểu của những bộ môn khoa học chính, để tập trung giải quyết những vấn đề khoa học, kĩ thuật cơ bản nhất của từng vùng. Mạng lưới này không nhất thiết phải theo đơn vị hành chính và cũng không nên quá phân tán theo từng thứ cây, con để bảo đảm đủ người, đủ sức nghiên cứu những vấn đề khoa học cần thiết.

Trên đây là những vấn đề có tầm quan trọng chung cho sự phát triển kinh tế và khoa học, kĩ thuật nông nghiệp miền Bắc nước ta. Theo chúng tôi, những vấn đề đó không những cần được đồng đảo cán bộ trong ngành nông nghiệp quan tâm, mà các đồng chí ở những ngành có liên quan cũng như các ban khoa học kĩ thuật địa phương đều có thể có những í kiến tốt. Mọi người đều suy nghĩ để có hành động nhất trí, chúng ta sẽ làm cho khoa học, kĩ thuật nông nghiệp ngày càng có tác dụng thiết thực; nhằm biến khoa học thành một lực lượng sản xuất trực tiếp, đưa nông nghiệp miền Bắc tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

NHỮNG QUI CHẾ CẦN THIẾT ĐỂ ĐƯA NHANH TIẾN BỘ KĨ THUẬT VÀO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

NGUYỄN GIA THẮNG

Đưa những thành tựu khoa học, kĩ thuật vào sản xuất là một yêu cầu bức thiết để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng của đất nước. Chính vì thế mà Đảng ta đã xác định rất rõ vai trò then chốt của cuộc cách mạng kĩ thuật trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta.

Thực tiễn sản xuất là môi trường sống của

công tác khoa học, kĩ thuật. Những kết quả của công tác nghiên cứu khoa học, kĩ thuật nếu không được sản xuất chấp nhận, hoặc không đưa được vào sản xuất thì công tác nghiên cứu sẽ đi vào con đường bế tắc, không thể phát triển được và cuối cùng sẽ không có lí do để tồn tại. Vấn đề chính ở đây là phải làm thế nào chọn ra được những tiến bộ kĩ thuật đúng đắn với tổ chức quản lí kĩ thuật